

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**

**CÔNG TY TNHH MTV
CẤP NƯỚC TIỀN GIANG**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4
4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025	5 - 8
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	10 - 11
7. Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	12 - 32
8. Phụ lục	33 - 34

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Cấp nước Tiền Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Khái quát về Công ty

Công ty TNHH MTV Cấp nước Tiền Giang là công ty Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 5244/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã sáp nhập Công ty TNHH MTV Cấp nước Nông thôn Tiền Giang theo Quyết định số 1921/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1200100814, đăng ký lần đầu ngày 11 tháng 01 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 09 tháng 8 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp.

- Trụ sở chính
- Địa chỉ : 4A đường 30/4, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp
 - Điện thoại : +84 (027) 3387 3425
 - Fax : +84 (027) 3387 2871

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Cấp nước Mỹ Tho – Châu Thành	
Văn phòng Cấp nước TP. Mỹ Tho	4A đường 30/4, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp
Văn phòng Cấp nước huyện Châu Thành	4A đường 30/4, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp
Chi nhánh Cấp nước phía Tây	
Văn phòng Cấp nước thị xã Cai Lậy	225 Hồ Hải Nghĩa, phường Mỹ Phước Tây, tỉnh Đồng Tháp
Văn phòng Cấp nước huyện Cái Bè	Khu 2, xã Cái Bè, tỉnh Đồng Tháp
Chi nhánh Cấp nước phía Đông	
Văn phòng Cấp nước thị xã Gò Công	1/1A Nguyễn Trọng Dân, phường Long Thuận, tỉnh Đồng Tháp
Văn phòng Cấp nước huyện Chợ Gạo	Ô 4 Khu 3, xã Chợ Gạo, tỉnh Đồng Tháp
Văn phòng Cấp nước huyện Gò Công Tây	Ấp Bình Hòa Đông, xã Đồng Sơn, tỉnh Đồng Tháp
Văn phòng Cấp nước huyện Gò Công Đông	12 Trương Định, xã Tân Hòa, tỉnh Đồng Tháp
Văn phòng Cấp nước huyện Tân Phú Đông	Ấp Tân Phú, xã Tân Phú Đông, tỉnh Đồng Tháp

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí;
- Xây dựng công trình cấp, thoát nước.

Chủ tịch và Ban điều hành, quản lý

Chủ tịch và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Hồ Hữu Nhân	Chủ tịch Công ty	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 12 năm 2022
	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2024
Ông Nguyễn Công Nghĩa	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 11 năm 2021
Ông Mai Đại Nghĩa	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2023
Ông Phạm Thanh Tâm	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2024
Bà Trần Thị Tuyết Hồng	Kế toán trưởng	Tái bổ nhiệm ngày 24 tháng 12 năm 2021



CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC TIỀN GIANG

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Hồ Hữu Nhân	Chủ tịch Công ty Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 12 năm 2022 Bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2024

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thay mặt Ban Giám đốc,



Hồ Hữu Nhân
Chủ tịch kiêm Giám đốc
Ngày 05 tháng 8 năm 2025

Số: 1.1291/25/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CHỦ SỞ HỮU, CHỦ TỊCH VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC TIỀN GIANG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Công ty TNHH MTV Cấp nước Tiền Giang (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 05 tháng 8 năm 2025, từ trang 05 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt N.m. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Cấp nước Tiền Giang tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

**CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
A&C**

Hoàng Thái Vương
Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2129-2023-008-1

Người được ủy quyền

Võ Trí Phương
Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 4697-2024-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 8 năm 2025

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC TIỀN GIANG

Địa chỉ: 4A đường 30/4, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		151.350.433.232	111.594.699.937
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	101.682.199.656	70.378.662.927
1. Tiền	111		95.458.272.957	64.232.624.826
2. Các khoản tương đương tiền	112		6.223.926.699	6.146.038.101
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		5.000.000.000	5.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	5.000.000.000	5.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		16.736.743.601	10.547.689.006
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	16.320.080.561	10.617.577.128
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	2.043.862.790	1.925.160.117
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(1.646.448.366)	(2.014.296.855)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		19.248.616	19.248.616
IV. Hàng tồn kho	140		18.873.311.133	14.139.376.560
1. Hàng tồn kho	141	V.6	23.871.548.799	19.137.614.226
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.6	(4.998.237.666)	(4.998.237.666)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.058.178.842	11.528.971.444
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	-	14.750.000
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		215.461.485	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	8.842.717.357	11.514.221.444
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

33004
CÔNG
ÁCH NH
M TOÁN
A
VH-TP

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC TIỀN GIANG

Địa chỉ: 4A đường 30/4, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		695.727.277.743	701.621.171.306
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		663.051.142.642	682.717.503.899
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	658.893.057.505	678.504.245.912
- Nguyên giá	222		1.290.989.368.965	1.280.003.475.648
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(632.096.311.460)	(601.499.229.736)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	4.158.085.137	4.213.257.987
- Nguyên giá	228		5.149.993.700	5.149.993.700
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(991.908.563)	(936.735.713)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		22.647.051.636	9.872.790.311
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	22.647.051.636	9.872.790.311
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		3.583.590.908	3.583.590.908
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	10.384.293.000	10.384.293.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(6.800.702.092)	(6.800.702.092)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		6.445.492.557	5.447.286.188
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	6.445.492.557	5.447.286.188
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		847.077.710.975	813.215.871.243

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC TIỀN GIANG

Địa chỉ: 4A đường 30/4, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		218.799.382.783	212.721.673.192
I. Nợ ngắn hạn	310		128.629.365.207	118.414.159.616
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	22.524.178.586	16.609.884.992
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	1.062.817.111	848.477.628
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	-	1.902.647.304
4. Phải trả người lao động	314	V.14	25.489.341.119	37.668.712.027
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	27.385.444.727	60.000.000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a,c	10.725.486.026	11.603.265.357
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a,c	8.430.092.000	8.430.092.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	33.012.005.638	41.291.080.308
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		90.170.017.576	94.307.513.576
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b,c	1.442.663.002	1.365.113.002
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b,c	72.362.338.555	76.577.384.555
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	V.19	16.365.016.019	16.365.016.019

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC TIỀN GIANG

Địa chỉ: 4A đường 30/4, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		628.278.328.192	600.494.198.051
I. Vốn chủ sở hữu	410		628.278.328.192	600.494.198.051
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.20	575.980.494.419	575.740.953.388
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.20	24.753.244.663	24.753.244.663
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.20	27.544.589.110	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		27.544.589.110	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		847.077.710.975	813.215.871.243


Trương Thị Yến Oanh
Người lập


Trần Thị Tuyết Hồng
Kế toán trưởng

Đồng Tháp, ngày 05 tháng 8 năm 2025




Hồ Hữu Nhân
Chủ tịch kiêm Giám đốc

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC TIỀN GIANG

Địa chỉ: 4A đường 30/4, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	271.432.969.484	223.256.020.876
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	104.428.816	12.488.884
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		271.328.540.668	223.243.531.992
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	217.641.964.822	198.061.476.276
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		53.686.575.846	25.182.055.716
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	420.189.351	368.796.031
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	2.517.270.000	2.908.784.653
Trong đó: chi phí lãi vay	23		2.517.270.000	2.908.784.653
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	20.883.605.221	19.812.556.506
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		30.705.889.976	2.829.510.588
11. Thu nhập khác	31	VI.7	4.320.559.621	695.504.729
12. Chi phí khác	32	VI.8	580.608.360	238.662.648
13. Lợi nhuận khác	40		3.739.951.261	456.842.081
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		34.445.841.237	3.286.352.669
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	6.901.252.127	691.704.857
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		27.544.589.110	2.594.647.812

Đồng Tháp, ngày 05 tháng 8 năm 2025

Trương Thị Yến Oanh
Người lậpTrần Thị Tuyết Hồng
Kế toán trưởngHồ Hữu Nhân
Chủ tịch kiêm Giám đốc

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC TIỀN GIANG

Địa chỉ: 4A đường 30/4, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		34.445.841.237	3.286.352.669
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8, 9	31.261.525.666	29.540.146.256
- Các khoản dự phòng	03	V.5	(367.848.489)	(84.654.540)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4, 8	(78.047.221)	(266.120.078)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	2.517.270.000	2.908.784.653
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		67.778.741.193	35.384.508.960
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(3.364.568.346)	4.116.476.269
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(4.733.934.573)	1.108.631.751
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		21.454.695.758	1.974.147.496
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(983.456.369)	2.727.474.318
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	VI.5	(2.517.270.000)	(2.908.784.653)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.13	(9.559.046.860)	(500.000.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.18	(8.279.074.670)	(4.035.360.115)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		59.796.086.133	37.867.094.026
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.8, 10	(24.697.097.597)	(21.213.255.214)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.4; VI.4	419.594.193	724.389.276
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(24.277.503.404)	(20.488.865.938)

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC TIỀN GIANG

Địa chỉ: 4A đường 30/4, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.17a	(4.215.046.000)	(5.883.046.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(4.215.046.000)	(5.883.046.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		31.303.536.729	11.495.182.088
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	70.378.662.927	33.640.720.245
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	101.682.199.656	45.135.902.333

Đồng Tháp, ngày 05 tháng 8 năm 2025

Trương Thị Yến Oanh

Trương Thị Yến Oanh
Người lập

Trần Thị Tuyết Hồng

Trần Thị Tuyết Hồng
Kế toán trưởng



Hồ Hữu Nhân
Chủ tịch kiêm Giám đốc

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC TIỀN GIANG

Địa chỉ: 4A đường 30/4, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

- Hình thức sở hữu vốn**
Công ty TNHH MTV Cấp nước Tiền Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty Nhà nước.
- Lĩnh vực kinh doanh**
Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại và dịch vụ.
- Ngành nghề kinh doanh**
Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch.
- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**
Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Cấp nước Mỹ Tho – Châu Thành	
Văn phòng Cấp nước TP. Mỹ Tho	4A đường 30/4, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp
Văn phòng Cấp nước huyện Châu Thành	4A đường 30/4, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp
Chi nhánh Cấp nước phía Tây	
Văn phòng Cấp nước thị xã Cai Lậy	225 Hồ Hải Nghĩa, phường Mỹ Phước Tây, tỉnh Đồng Tháp
Văn phòng Cấp nước huyện Cái Bè	Khu 2, xã Cái Bè, tỉnh Đồng Tháp
Chi nhánh Cấp nước phía Đông	
Văn phòng Cấp nước thị xã Gò Công	1/1A Nguyễn Trọng Dân, phường Long Thuận, tỉnh Đồng Tháp
Văn phòng Cấp nước huyện Chợ Gạo	Ô 4 Khu 3, xã Chợ Gạo, tỉnh Đồng Tháp
Văn phòng Cấp nước huyện Gò Công Tây	Ấp Bình Hòa Đông, xã Đồng Sơn, tỉnh Đồng Tháp
Văn phòng Cấp nước huyện Gò Công Đông	12 Trương Định, xã Tân Hòa, tỉnh Đồng Tháp
Văn phòng Cấp nước huyện Tân Phú Đông	Ấp Tân Phú, xã Tân Phú Đông, tỉnh Đồng Tháp

- Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**
Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.
- Nhân viên**
Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 469 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 465 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC TIỀN GIANG

Địa chỉ: 4A đường 30/4, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty chỉ có các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC TIỀN GIANG

Địa chỉ: 4A đường 30/4, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Công ty so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC TIỀN GIANG

Địa chỉ: 4A đường 30/4, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 50
Máy móc và thiết bị	05 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 – 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 – 10
Cây lâu năm	08
Tài sản cố định hữu hình khác	05 – 20

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC TIỀN GIANG

Địa chỉ: 4A đường 30/4, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ, ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hiệu lực của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Các quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của chương trình phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Chương trình phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

11. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được thành lập nhằm tạo nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty như sau:

- Cấp kinh phí để thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ.
- Hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ:
 - Trang bị cơ sở vật chất – kỹ thuật cho hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Mua máy móc, thiết bị để đổi mới công nghệ trực tiếp sử dụng vào việc sản xuất sản phẩm.
 - Mua bản quyền công nghệ, quyền sử dụng, quyền sở hữu sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, thông tin khoa học và công nghệ, các tài liệu, sản phẩm có liên quan để phục vụ cho hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Trả lương, chi thuê chuyên gia hoặc hợp đồng với tổ chức khoa học và công nghệ để thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Chi phí cho đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ.

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC TIỀN GIANG

Địa chỉ: 4A đường 30/4, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

- Chi cho các hoạt động sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất.
- Chi phí cho các hoạt động hợp tác nghiên cứu, triển khai về khoa học và công nghệ với các tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam.

Hao mòn tài sản cố định hình thành từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được ghi giảm quỹ tương ứng.

Mức trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ bằng 10% thu nhập tính thuế trong năm theo điều lệ tổ chức và hoạt động của quỹ và được hạch toán vào chi phí. Nếu trong năm, chi cho hoạt động khoa học công nghệ vượt số dư hiện có tại quỹ thì khoản chi vượt được lấy từ số trích lập quỹ của các năm sau.

12. **Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của chủ sở hữu.

13. **Phân phối lợi nhuận**

Công ty trích lập và sử dụng các quỹ theo Thông tư số 36/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 5 năm 2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015, Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018, Nghị định số 121/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2020 và Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

14. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán thành phẩm

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm như người sở hữu sản phẩm hoặc quyền kiểm soát sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC TIỀN GIANG

Địa chỉ: 4A đường 30/4, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Cổ tức được chia

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

15. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến kỳ này mới phát sinh hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của kỳ này.
- Nếu khoản hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của kỳ sau.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC TIỀN GIANG

Địa chỉ: 4A đường 30/4, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này được thay đổi theo từng thời kỳ, do đó việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC TIỀN GIANG

Địa chỉ: 4A đường 30/4, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	92.315.806	87.537.500
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn ⁽ⁱ⁾	95.365.957.151	64.145.087.326
Các khoản tương đương tiền ⁽ⁱⁱ⁾	6.223.926.699	6.146.038.101
Cộng	101.682.199.656	70.378.662.927

⁽ⁱ⁾ Chi tiết Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	941.172.668	16.446.487.113
Văn phòng Cấp nước TP. Mỹ Tho	930.425.016	16.358.346.690
Văn phòng Cấp nước thị xã Cai Lậy	3.305.552	16.960.085
Văn phòng Cấp nước huyện Cai Bè	1.002.600	61.670.038
Văn phòng Cấp nước thị xã Gò Công	1.006.700	1.003.200
Văn phòng Cấp nước huyện Chợ Gạo	1.002.400	1.013.200
Văn phòng Cấp nước huyện Gò Công Tây	1.004.900	1.012.600
Văn phòng Cấp nước huyện Gò Công Đông	1.008.200	1.033.800
Văn phòng Cấp nước huyện Châu Thành	1.414.900	1.000.600
Văn phòng Cấp nước huyện Tân Phú Đông	1.002.400	4.446.900
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tiền Giang	33.718.491.330	7.108.622.152
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Tiền Giang	19.980.233.217	16.937.666.668
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Tiền Giang	16.557.105.175	17.150.599.081
Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Tiền Giang	10.502.292.654	1.874.513.674
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Tiền Giang	5.870.375.360	950.490.901
Ngân hàng TMCP Nam Á – Chi nhánh Tiền Giang	3.915.790.767	980.988.656
Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam – Chi nhánh Tiền Giang	3.662.701.685	2.074.460.332
Ngân hàng TMCP An Bình – Chi nhánh Tiền Giang	138.718.940	414.434.352
Ngân hàng TMCP Kiên Long – Chi nhánh Tiền Giang	79.075.355	206.824.397
Cộng	95.365.957.151	64.145.087.326

⁽ⁱⁱ⁾ Khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 01 tháng. Chi tiết như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Tiền Giang	5.223.926.699	5.146.038.101
Ngân hàng TMCP Nam Á – Chi nhánh Tiền Giang	1.000.000.000	1.000.000.000
Cộng	6.223.926.699	6.146.038.101

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC TIỀN GIANG

Địa chỉ: 4A đường 30/4, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 06 tháng. Chi tiết như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Nam Á – Chi nhánh Tiền Giang	5.000.000.000	5.000.000.000
Cộng	5.000.000.000	5.000.000.000

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Nhà máy nước Đồng Tâm ⁽ⁱ⁾	7.933.000.000	(6.800.702.092)	7.933.000.000	(6.800.702.092)
Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Quốc Việt ⁽ⁱⁱ⁾	2.367.253.000	-	2.367.253.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Cấp thoát nước và Môi trường ⁽ⁱⁱⁱ⁾	84.040.000	-	84.040.000	-
Cộng	10.384.293.000	(6.800.702.092)	10.384.293.000	(6.800.702.092)

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1200648505 đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 15 tháng 5 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Nhà máy nước Đồng Tâm 7.933.000.000 VND, tương đương 2,04% vốn điều lệ.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1201482605 đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 29 tháng 12 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Quốc Việt 3.000.000.000 VND, tương đương 15% vốn điều lệ. Công ty đã thực góp 2.367.253.000 VND, tương đương 15% vốn điều lệ đã góp. Số vốn điều lệ Công ty còn phải góp là 632.747.000 VND.

(iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300394676 đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 23 tháng 5 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Tư vấn Cấp thoát nước và Môi trường 100.000.000 VND, tương đương 1,25% vốn điều lệ với giá mua là 84.040.000 VND.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	6.800.702.092	7.933.000.000
Số cuối kỳ	6.800.702.092	7.933.000.000

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Khoản phải thu tiền nước, thuê bao, lắp đặt, thi công, Chi tiết như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Văn phòng Cấp nước TP. Mỹ Tho	4.034.197.399	3.621.151.652
Văn phòng Cấp nước thị xã Cai Lậy	1.803.860.777	1.333.888.433
Văn phòng Cấp nước huyện Cái Bè	1.814.046.285	896.097.886
Văn phòng Cấp nước thị xã Gò Công	2.592.378.963	2.431.489.717
Văn phòng Cấp nước huyện Chợ Gạo	1.236.513.537	327.573.372
Văn phòng Cấp nước huyện Gò Công Tây	1.460.401.341	455.155.459
Văn phòng Cấp nước huyện Gò Công Đông	1.539.212.441	728.460.341

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC TIỀN GIANG

Địa chỉ: 4A đường 30/4, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Văn phòng Cấp nước huyện Châu Thành	1.165.442.898	569.388.048
Văn phòng Cấp nước huyện Tân Phú Đông	674.026.920	254.372.220
Cộng	16.320.080.561	10.617.577.128

4. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu về cổ phần hóa	120.346.363	-	120.346.363	-
Các khoản đặt cọc ngắn hạn	1.144.245	-	1.143.112	-
Tạm ứng cho nhân viên	49.648.287	-	16.963.000	-
Ủy ban nhân dân TP. Mỹ Tho	65.000.000	-	65.000.000	-
Tiền mua đất trả trước	37.500.000	-	37.500.000	-
Thuế GTGT chờ kê khai	1.058.422.515	-	1.139.687.673	-
Phải thu Quỹ khen thưởng, phúc lợi	58.255.906	-	58.255.906	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	108.047.483	-	107.452.325	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	545.497.991	-	378.811.738	-
Cộng	2.043.862.790	-	1.925.160.117	-

5. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Long Nguyên GC	Trên 03 năm	99.142.667	-	Trên 03 năm	249.142.667	-
Ban quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng TP. Mỹ Tho	Trên 03 năm	-	-	Trên 03 năm	168.483.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghiệp VN1	Trên 03 năm	129.157.726	-	Trên 03 năm	129.157.726	-
Công ty TNHH Lam Bình	Trên 03 năm	92.068.000	-	Trên 03 năm	92.068.000	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	Từ 01 năm đến trên 03 năm	1.957.466.216	631.386.243	Từ 01 năm đến trên 03 năm	2.088.372.885	712.927.423
Cộng		2.277.834.609	631.386.243		2.727.224.278	712.927.423

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	2.014.296.855	1.905.991.835
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(367.848.489)	(84.654.540)
Số cuối kỳ	1.646.448.366	1.821.337.295

6. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	22.994.089.749	(4.998.237.666)	19.048.541.426	(4.998.237.666)
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	877.459.050	-	89.072.800	-
Cộng	23.871.548.799	(4.998.237.666)	19.137.614.226	(4.998.237.666)

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC TIỀN GIANG

Địa chỉ: 4A đường 30/4, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	4.998.237.666	726.253.589
Số cuối kỳ	4.998.237.666	726.253.589

7. Chi phí trả trước

7a. Chi phí trả trước ngắn hạn

Số đầu năm là chi phí công cụ, dụng cụ tại Văn phòng Cấp nước TP. Mỹ Tho.

7b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	4.974.673.694	3.954.635.623
Văn phòng Cấp nước TP. Mỹ Tho	1.126.839.008	989.524.762
Văn phòng Cấp nước thị xã Cai Lậy	893.715.891	409.916.557
Văn phòng Cấp nước huyện Cái Bè	591.148.821	368.483.950
Văn phòng Cấp nước thị xã Gò Công	759.293.293	656.583.176
Văn phòng Cấp nước huyện Chợ Gạo	234.335.862	198.092.430
Văn phòng Cấp nước huyện Gò Công Tây	335.790.996	362.852.927
Văn phòng Cấp nước huyện Gò Công Đông	305.009.703	280.017.829
Văn phòng Cấp nước huyện Châu Thành	355.592.549	340.794.861
Văn phòng Cấp nước huyện Tân Phú Đông	372.947.571	348.369.131
Tiền thuê đất trả trước	1.470.818.863	1.492.650.565
Văn phòng Cấp nước huyện Cái Bè	1.470.818.863	1.492.650.565
Cộng	6.445.492.557	5.447.286.188

8. Tài sản cố định hữu hình

Thông tin về tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình được trình bày tại Phụ lục 01 đính kèm.

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 118.736.246.955 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Tiền Giang (xem thuyết minh số V.17b).

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	3.980.633.883	1.060.268.908	109.090.909	5.149.993.700
Số cuối kỳ	3.980.633.883	1.060.268.908	109.090.909	5.149.993.700
Trong đó:				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	33.427.800	215.000.000	109.090.909	357.518.709
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	40.551.004	787.093.800	109.090.909	936.735.713
Khấu hao trong kỳ	321.510	54.851.340	-	55.172.850
Số cuối kỳ	40.872.514	841.945.140	109.090.909	991.908.563
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	3.940.082.879	273.175.108	-	4.213.257.987
Số cuối kỳ	3.939.761.369	218.323.768	-	4.158.085.137

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC TIỀN GIANG

Địa chỉ: 4A đường 30/4, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Chương trình phần mềm máy tính</u>	<u>Tài sản cố định vô hình khác</u>	<u>Cộng</u>
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời không sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Thông tin về chi phí xây dựng cơ bản dở dang được trình bày tại Phụ lục 02 đính kèm.

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Nhà máy nước Đồng Tâm	12.815.422.637	12.407.858.156
Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC	3.144.960.000	-
Công ty Điện lực Tiền Giang	1.356.294.634	1.626.227.557
Công ty Cổ phần Nước và Môi trường Quốc Việt	591.268.110	551.083.289
Công ty Cổ phần DNP Holding	-	227.725.344
Các nhà cung cấp khác	4.616.233.205	1.796.990.646
Cộng	22.524.178.586	16.609.884.992

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Xây dựng TICC	374.870.000	-
Ủy ban nhân dân Thị trấn Vầm Láng	287.584.483	-
Ban quản lý Dự án và Phát triển Quỹ đất huyện Chợ Gạo	-	444.615.000
Các khách hàng khác	400.362.628	403.862.628
Cộng	1.062.817.111	848.477.628

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong kỳ</u>		<u>Số cuối kỳ</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	374.498.811	-	4.454.643.783	(4.829.142.594)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	159.046.860	-	6.901.252.127	(9.559.046.860)	-	2.498.747.873
Thuế thu nhập cá nhân	-	3.957.305.546	3.599.804.760	(740.967.852)	-	1.098.468.638
Thuế tài nguyên	-	3.236.278.675	2.807.995.623	(472.824.040)	-	901.107.092
Phí nước thải sinh hoạt	1.369.101.633	-	71.496.511	(71.496.511)	-	23.756.531
Thuế nhà đất	-	-	98.000.000	(98.000.000)	-	-
Lệ phí môn bài	-	-	-	-	-	-
Phí nước thải công nghiệp	-	-	8.762.556.773	(10.155.414.937)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	139.838.281	(139.838.281)	-	-
Lợi nhuận sau thuế phải nộp ngân sách Nhà nước	-	4.320.637.223	327.183.506	(327.183.506)	-	4.320.637.223
Cộng	1.902.647.304	11.514.221.444	27.162.771.364	(26.393.914.581)	-	8.842.717.357

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC TIỀN GIANG

Địa chỉ: 4A đường 30/4, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Doanh thu bán nước cho doanh nghiệp chế xuất 0%
- Doanh thu bán nước 5%
- Dịch vụ lắp đặt, thi công, ... 10%

Trong kỳ, Công ty được áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% đối với một số hàng hóa, dịch vụ theo Nghị định số 180/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	34.445.841.237	3.286.352.669
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	198.782.046	428.896.915
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	34.644.623.283	3.715.249.584
Thu nhập được miễn thuế	(138.362.650)	(256.725.300)
Thu nhập tính thuế	34.506.260.633	3.458.524.284
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	6.901.252.127	691.704.857

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác tài nguyên nước với mức 1% trên doanh thu khai thác nước mặt và 5% trên doanh thu khai thác nước ngầm.

Thuế nhà đất

Công ty phải nộp thuế sử dụng đất phi nông nghiệp của 76 thửa đất đang thuê theo quy định của Thông tư số 153/2011/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2011 của Bộ Tài chính.

Các loại phí và thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

14. Phải trả người lao động

Ngày 06 tháng 6 năm 2025, Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang ban hành Công văn số 4327/UBND-KT về phê duyệt quỹ lương, thù lao thực hiện năm 2024 và kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2025 của các công ty nhà nước. Theo đó, quỹ lương kế hoạch năm nay Công ty được giao như sau: Quỹ lương Người lao động và Ban điều hành là 62.547 triệu đồng; quỹ lương Thành viên hội đồng là 297,6 triệu đồng; quỹ thù lao Kiểm soát viên là 48 triệu đồng.

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC TIỀN GIANG

Địa chỉ: 4A đường 30/4, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Ngoài ra, Công ty còn có quỹ lương khác ngoài hoạt động sản xuất cung cấp nước. Công ty tuân thủ theo đúng các quy định về xây dựng cơ bản tự làm (khảo sát, thiết kế, thi công các hạng mục công trình,...).

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lắp mới, thay định kỳ, thay cụm	25.000.000.000	-
Chi phí kiểm tra chất lượng nước	1.000.000.000	-
Chi phí phúc lợi cho nhân viên	1.300.192.000	-
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	85.252.727	60.000.000
Cộng	27.385.444.727	60.000.000

16. Phải trả khác**16a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Kinh phí công đoàn, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp</i>	<i>78.615.561</i>	<i>109.759.358</i>
<i>Tiền đền bù, hỗ trợ di dời phải trả các Trung tâm</i>		
<i>Phát triển quỹ đất, Ban quản lý công trình</i>	<i>3.173.856.430</i>	<i>3.020.368.733</i>
Văn phòng Cấp nước TP. Mỹ Tho	2.959.789.170	2.806.301.473
Văn phòng Cấp nước huyện Châu Thành	214.067.260	214.067.260
<i>Tài sản thừa chờ giải quyết</i>	<i>2.009.158</i>	<i>2.009.158</i>
<i>Các khoản phải trả ngắn hạn khác</i>	<i>7.471.004.877</i>	<i>8.471.128.108</i>
Cộng	10.725.486.026	11.603.265.357

16b. Phải trả dài hạn khác

Khoản nhận đặt cọc dài hạn.

16c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

17. Vay**17a. Vay ngắn hạn**

Khoản vay dài hạn đến hạn trả Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Tiền Giang. Chi tiết như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Tiền Giang	8.430.092.000	8.430.092.000
Cộng	8.430.092.000	8.430.092.000

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

Số đầu năm	8.430.092.000
Kết chuyển từ vay dài hạn	4.215.046.000
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(4.215.046.000)
Số cuối kỳ	8.430.092.000

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC TIỀN GIANG

Địa chỉ: 4A đường 30/4, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

17b. Vay dài hạn

Khoản vay dài hạn phải trả Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Tiền Giang. Chi tiết như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Tiền Giang	72.362.338.555	76.577.384.555
Cộng	72.362.338.555	76.577.384.555

Khoản vay dài hạn Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Tiền Giang để:

- Thực hiện Dự án xây dựng mạng lưới đường ống tiếp nhận nước sạch từ hệ thống cấp nước Đồng Tâm phân phối cho thị xã Gò Công và huyện Gò Công Đông – Giai đoạn 1. Thời hạn vay 20 năm, lãi suất được quy định cụ thể trong hợp đồng vay.
- Thực hiện Dự án đầu tư xây dựng công trình cấp nước cho huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang. Thời hạn vay 20 năm, lãi suất được quy định cụ thể trong hợp đồng vay.
- Đầu tư xây dựng tuyến ống cấp nước dọc theo đường tỉnh 877, đường tỉnh 877B, đường đê Bình Ninh chuyển tải nguồn nước từ nhà máy nước Đồng Tâm đến phục vụ nhu cầu sử dụng nước của khu vực trung tâm xã An Thạnh Thủy, xã Bình Ninh và một phần khu vực công nghiệp Bình Ninh. Thời hạn vay 09 năm, lãi suất được quy định cụ thể trong hợp đồng vay.
- Đầu tư tuyến ống cấp nước D250, D63 HDPE đoạn từ Nhà máy nước Hòa Hưng đến trạm y tế xã Hòa Hưng, huyện Cái Bè. Thời hạn vay 60 tháng, lãi suất được quy định cụ thể trong hợp đồng vay.
- Đầu tư tuyến ống cấp nước HDPE D110- D63 đường huyện 18 đoạn từ Quốc lộ 50 đến đường Đội 3, xã Bình Nhì, Đồng Sơn, Đồng Thạnh, huyện Gò Công Tây. Thời hạn vay 60 tháng, lãi suất được quy định cụ thể trong hợp đồng vay.

Các khoản vay Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Tiền Giang được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay và một số tài sản khác của Công ty (xem thuyết minh số V.8).

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	8.430.092.000	8.430.092.000
Trên 01 năm đến 05 năm	32.982.629.679	33.167.057.679
Trên 05 năm	39.379.708.876	43.410.326.876
Cộng	80.792.430.555	85.007.476.555

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn trong kỳ như sau:

Số đầu năm	76.577.384.555
Kết chuyển sang vay ngắn hạn	(4.215.046.000)
Số cuối kỳ	72.362.338.555

17c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng khác</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	30.718.309.413	7.020.000	(7.806.549.457)	22.918.779.956
Quỹ phúc lợi	10.015.626.052	-	(306.001.128)	9.709.624.924
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	557.144.843	-	(173.544.085)	383.600.758
Cộng	41.291.080.308	7.020.000	(8.286.094.670)	33.012.005.638

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC TIỀN GIANG

Địa chỉ: 4A đường 30/4, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

19. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	16.365.016.019	13.909.639.449
Số cuối kỳ	16.365.016.019	13.909.639.449

20. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	570.727.437.358	24.042.316.491	-	594.769.753.849
Nhận vốn góp trong kỳ trước	2.313.367.241	-	-	2.313.367.241
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	2.594.647.812	2.594.647.812
Số dư cuối kỳ trước	573.040.804.599	24.042.316.491	2.594.647.812	599.677.768.902
Số dư đầu năm nay	575.740.953.388	24.753.244.663	-	600.494.198.051
Nhận vốn góp trong kỳ này ⁽ⁱ⁾	239.541.031	-	-	239.541.031
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	27.544.589.110	27.544.589.110
Số dư cuối kỳ này	575.980.494.419	24.753.244.663	27.544.589.110	628.278.328.192

- (i) Khoản tiền nhận hỗ trợ di dời tuyến ống cấp nước thuộc Công trình Đường huyện 90E đoạn từ ĐT 879 đến khu đất nền xã Đạo Thạnh, TP. Mỹ Tho theo Biên bản ngày 15 tháng 3 năm 2018 của Ủy ban Nhân dân TP. Mỹ Tho và hỗ trợ di dời, nâng cấp tuyến CN HDPE D110, D63 đường huyện 65B (đường Đông kênh Chà Là) đoạn từ cầu Chà Là ĐH 66 đến Km1+500m ĐH 65B, xã Phú Nhuận - Thạnh Lộc, huyện Cai Lậy theo Quyết định số 1818/QĐ-UBND ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban Nhân dân huyện Cai Lậy.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hoạt động kinh doanh nước	269.903.827.188	220.224.447.939
Văn phòng Cấp nước TP. Mỹ Tho	74.753.283.295	59.716.578.705
Văn phòng Cấp nước thị xã Cai Lậy	30.045.184.217	24.966.548.877
Văn phòng Cấp nước huyện Cái Bè	22.924.500.266	18.631.916.423
Văn phòng Cấp nước thị xã Gò Công	31.117.103.105	25.152.551.088
Văn phòng Cấp nước huyện Chợ Gạo	20.295.709.586	15.546.160.947
Văn phòng Cấp nước huyện Gò Công Tây	22.845.076.899	19.985.858.811
Văn phòng Cấp nước huyện Gò Công Đông	34.485.967.311	27.765.415.853
Văn phòng Cấp nước huyện Châu Thành	22.458.706.776	18.925.493.599
Văn phòng Cấp nước huyện Tân Phú Đông	10.978.295.733	9.533.923.636
Doanh thu hoạt động kinh doanh lắp đặt	1.155.926.829	2.545.599.547
Văn phòng Cấp nước TP. Mỹ Tho	639.374.989	1.941.224.508
Văn phòng Cấp nước thị xã Cai Lậy	24.967.593	28.059.262
Văn phòng Cấp nước huyện Cái Bè	44.109.256	22.484.265
Văn phòng Cấp nước thị xã Gò Công	192.210.172	269.619.451

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC TIỀN GIANG

Địa chỉ: 4A đường 30/4, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Văn phòng Cấp nước huyện Chợ Gạo	10.413.889	7.931.483
Văn phòng Cấp nước huyện Gò Công Tây	72.343.520	84.526.862
Văn phòng Cấp nước huyện Gò Công Đông	50.720.374	48.944.450
Văn phòng Cấp nước huyện Châu Thành	87.727.775	108.532.415
Văn phòng Cấp nước huyện Tân Phú Đông	34.059.261	34.276.851
Doanh thu khác	373.215.467	485.973.390
Văn phòng Cấp nước TP. Mỹ Tho	103.835.835	140.321.279
Văn phòng Cấp nước thị xã Cai Lậy	27.276.822	26.238.896
Văn phòng Cấp nước huyện Cái Bè	15.492.607	14.872.011
Văn phòng Cấp nước thị xã Gò Công	76.834.160	167.748.868
Văn phòng Cấp nước huyện Chợ Gạo	12.138.872	19.125.559
Văn phòng Cấp nước huyện Gò Công Tây	30.066.696	43.129.671
Văn phòng Cấp nước huyện Gò Công Đông	66.511.176	37.709.296
Văn phòng Cấp nước huyện Châu Thành	25.266.691	11.861.120
Văn phòng Cấp nước huyện Tân Phú Đông	15.792.608	24.966.690
Cộng	271.432.969.484	223.256.020.876

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giảm giá nước	102.428.816	-
Lắp đặt	674.076	8.575.925
Khác	1.325.924	3.912.959
Cộng	104.428.816	12.488.884

3. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hoạt động kinh doanh nước	216.192.664.518	195.484.640.669
Văn phòng Cấp nước TP. Mỹ Tho	63.751.810.402	49.805.088.324
Văn phòng Cấp nước thị xã Cai Lậy	13.895.519.688	12.508.316.166
Văn phòng Cấp nước huyện Cái Bè	14.032.835.637	12.525.537.774
Văn phòng Cấp nước thị xã Gò Công	34.400.102.648	32.851.511.701
Văn phòng Cấp nước huyện Chợ Gạo	19.069.733.227	16.679.503.671
Văn phòng Cấp nước huyện Gò Công Tây	21.203.758.943	21.098.221.833
Văn phòng Cấp nước huyện Gò Công Đông	27.154.158.632	25.745.890.898
Văn phòng Cấp nước huyện Châu Thành	10.102.601.693	11.223.903.225
Văn phòng Cấp nước huyện Tân Phú Đông	12.582.143.648	13.046.667.077
Giá vốn hoạt động kinh doanh lắp đặt	1.432.088.904	2.557.793.707
Văn phòng Cấp nước TP. Mỹ Tho	912.049.128	1.996.549.220
Văn phòng Cấp nước thị xã Cai Lậy	24.957.723	28.057.964
Văn phòng Cấp nước huyện Cái Bè	44.106.767	23.086.966
Văn phòng Cấp nước thị xã Gò Công	192.757.923	233.846.077
Văn phòng Cấp nước huyện Chợ Gạo	13.099.663	7.931.020
Văn phòng Cấp nước huyện Gò Công Tây	72.343.411	83.601.932

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC TIỀN GIANG

Địa chỉ: 4A đường 30/4, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Văn phòng Cấp nước huyện Gò Công Đông	49.354.542	48.242.520
Văn phòng Cấp nước huyện Châu Thành	88.942.545	102.201.759
Văn phòng Cấp nước huyện Tân Phú Đông	34.477.202	34.276.249
Giá vốn khác	17.211.400	19.041.900
Văn phòng Cấp nước TP. Mỹ Tho	17.211.400	14.706.000
Văn phòng Cấp nước thị xã Cai Lậy	-	1.968.000
Văn phòng Cấp nước huyện Cái Bè	-	492.000
Văn phòng Cấp nước huyện Chợ Gạo	-	504.400
Văn phòng Cấp nước huyện Gò Công Đông	-	294.000
Văn phòng Cấp nước huyện Tân Phú Đông	-	1.077.500
Cộng	217.641.964.822	198.061.476.276

4. Doanh thu hoạt động tài chính	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	281.826.701	112.070.731
Văn phòng Cấp nước TP. Mỹ Tho	280.244.863	110.712.989
Văn phòng Cấp nước thị xã Cai Lậy	1.144.338	764.842
Văn phòng Cấp nước huyện Cái Bè	42.900	41.500
Văn phòng Cấp nước thị xã Gò Công	41.800	32.700
Văn phòng Cấp nước huyện Chợ Gạo	65.800	101.500
Văn phòng Cấp nước huyện Gò Công Tây	101.800	142.300
Văn phòng Cấp nước huyện Gò Công Đông	116.900	172.300
Văn phòng Cấp nước huyện Châu Thành	3.400	2.200
Văn phòng Cấp nước huyện Tân Phú Đông	64.900	100.400
Cổ tức được chia	138.362.650	256.725.300
Cộng	420.189.351	368.796.031

5. Chi phí tài chính	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	2.517.270.000	2.908.784.653
Cộng	2.517.270.000	2.908.784.653

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	11.830.859.056	11.993.987.883
Văn phòng Cấp nước TP. Mỹ Tho	5.668.668.399	5.982.992.131
Văn phòng Cấp nước thị xã Cai Lậy	1.102.523.351	967.637.063
Văn phòng Cấp nước huyện Cái Bè	777.379.880	990.021.730
Văn phòng Cấp nước thị xã Gò Công	1.192.060.727	1.116.286.592
Văn phòng Cấp nước huyện Chợ Gạo	468.562.463	455.805.357
Văn phòng Cấp nước huyện Gò Công Tây	794.436.545	774.068.801
Văn phòng Cấp nước huyện Gò Công Đông	905.262.082	818.733.587
Văn phòng Cấp nước huyện Châu Thành	494.386.318	494.550.357
Văn phòng Cấp nước huyện Tân Phú Đông	427.579.291	393.892.265

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC TIỀN GIANG

Địa chỉ: 4A đường 30/4, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này		
	Năm nay	Năm trước
Chi phí vật liệu quản lý	479.846.850	418.011.745
Chi phí đồ dùng văn phòng	360.615.996	205.527.782
Chi phí khấu hao tài sản cố định	243.602.778	251.319.562
Thuế, phí và lệ phí	713.313.415	816.394.882
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(367.848.489)	(84.654.540)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	688.275.255	610.653.704
Chi phí bảo hiểm	2.439.466.485	2.502.814.001
Các chi phí khác	4.495.473.875	3.098.501.487
Cộng	20.883.605.221	19.812.556.506
7. Thu nhập khác		
Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này		
	Năm nay	Năm trước
Truy thu tiền nước	62.081.997	46.019.430
5% phí nước thải sinh hoạt để lại	427.025.183	325.310.090
Thu thanh lý vật tư, công cụ dụng cụ	2.685.447.682	-
Thu nhập từ tư vấn, lập báo cáo kỹ thuật	1.143.551.808	-
Thu nhập từ nhận tài trợ	-	270.785.419
Các khoản thu nhập khác	2.452.951	53.389.790
Cộng	4.320.559.621	695.504.729
8. Chi phí khác		
Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này		
	Năm nay	Năm trước
Giảm tài sản cố định, trám lấp giếng	342.142.130	102.675.953
Chi phí thanh lý vật tư, công cụ dụng cụ	101.090.000	-
Lương, bảo hiểm nhân viên thu phí và các khoản chi phí khác chi từ nguồn phí nước thải sinh hoạt	87.300.000	98.172.000
Thuế bị phạt	39.265.275	31.980.475
Các chi phí khác	10.810.955	5.834.220
Cộng	580.608.360	238.662.648
9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		
Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này		
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	10.058.331.425	19.851.674.261
Chi phí nhân công	50.292.599.174	51.457.606.675
Chi phí khấu hao tài sản cố định	31.261.525.666	29.540.146.256
Chi phí dịch vụ mua ngoài	99.248.872.153	78.033.201.765
Chi phí khác	48.452.627.875	39.177.924.467
Cộng	239.313.956.293	218.060.553.424

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC TIỀN GIANG

Địa chỉ: 4A đường 30/4, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm Chủ tịch Công ty và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong kỳ là 1.141.872.526 VND (cùng kỳ năm trước là 793.439.344 VND).

2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Trương Thị Yến Oanh
Người lập

Trần Thị Tuyết Hồng
Kế toán trưởng



Đồng Tháp, ngày 05 tháng 8 năm 2025

Hồ Hữu Nhân
Chủ tịch kiêm Giám đốc

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC TIỀN GIANG

Địa chỉ: 4A đường 30/4, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
Phụ lục 01: Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

							Đơn vị tính: VND	
							Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cây lâu năm			
Số đầu năm	229.299.880.131	174.253.551.240	864.963.873.848	4.392.403.483	119.740.257		6.974.026.689	1.280.003.475.648
Mua trong kỳ	-	550.400.000	-	-	-		-	550.400.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.362.376.164	-	10.010.060.108	-	-		-	11.372.436.272
Điều chuyển nội bộ, trình bày lại	-	527.437.111	(527.437.111)	-	-		-	-
Giảm khác (Máy móc, thiết bị hư hỏng)	(49.828.904)	(274.679.074)	(612.434.977)	-	-		-	(936.942.955)
Số cuối kỳ	230.612.427.391	175.056.709.277	873.834.061.868	4.392.403.483	119.740.257		6.974.026.689	1.290.989.368.965
Trong đó:								
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	46.761.861.944	101.725.760.686	89.118.479.369	3.287.580.416	119.740.257		2.924.888.625	243.938.311.297
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-		-	-
Giá trị hao mòn								
Số đầu năm	123.174.487.519	129.547.934.486	341.513.401.708	3.881.348.961	119.740.257		3.262.316.805	601.499.229.736
Khấu hao trong kỳ	4.570.191.799	5.866.710.161	20.573.853.524	94.368.878	-		101.228.454	31.206.352.816
Điều chỉnh do điều chuyển nội bộ, trình bày lại	-	153.574.120	(153.574.120)	-	-		-	-
Giảm khác (Máy móc, thiết bị hư hỏng)	(49.828.904)	(189.034.204)	(370.407.984)	-	-		-	(609.271.092)
Số cuối kỳ	127.694.850.414	135.379.184.563	361.563.273.128	3.975.717.839	119.740.257		3.363.545.259	632.096.311.460
Giá trị còn lại								
Số đầu năm	106.125.392.612	44.705.616.754	523.450.472.140	511.054.522	-		3.711.709.884	678.504.245.912
Số cuối kỳ	102.917.576.977	39.677.524.714	512.270.788.740	416.685.644	-		3.610.481.430	658.893.057.505
Trong đó:								
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-		-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-		-	-



Nh

leale

Trương Thị Yến Oanh
Người lập

Trần Thị Tuyết Hồng
Kế toán trưởng

Hồ Hữu Nhân
Chủ tịch kiêm Giám đốc

CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC TIỀN GIANG

Địa chỉ: 4A đường 30/4, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
Phụ lục 02: Tình hình tăng, giảm chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Đơn vị tính: VNĐ

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào tài sản cố định trong kỳ	Kết chuyển vào công cụ, dụng cụ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
- TOCN HDPE D160 Dọc hai bên đường 871B L5.5Km (điểm đầu giáp Quốc lộ 50 điểm cuối cầu Vàm Thập)	1.133.192.106	633.173.911	(1.766.366.017)	-	-	-
- Nâng cấp TOCT cấp nước HDPE D315 đường Quốc lộ 1 đoạn từ trạm giếng Hòa Hưng – cầu Rạch	1.160.608.597	467.041.807	-	-	-	1.627.650.404
- Các công trình khác	7.578.989.608	25.142.415.832	(9.606.070.255)	(1.864.548.582)	(231.385.371)	21.019.401.232
Cộng	9.872.790.311	26.242.631.550	(11.372.436.272)	(1.864.548.582)	(231.385.371)	22.647.051.636


Trương Thị Yến Oanh
Người lập


Trần Thị Tuyết Hồng
Kế toán trưởng


Đồng Tháp, ngày 05 tháng 8 năm 2025
Họ Hữu Nhân
Chủ tịch kiêm Giám đốc